

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2023/DS-ST

Ngày: 26 - 12 - 2023

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thu
2. Ông Lê Dũng Tấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-DS ngày 16/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-DS ngày 09/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-DS ngày 29/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (APostBank).

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 tòa nhà Thaiholding Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm D S, – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L1, - chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch V L1.

Bị đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm: 1986 và Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1986,

Cùng địa chỉ: Thôn Phác Đồng, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa vắng mặt ông L1, ông S và bà L. Ông L1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023, bản tự khai ngày 13/7/2023, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/10/2021 ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng tín dụng số HDTD96B2021126 với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Thanh Hóa – PGD V L1 để vay số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Lãi suất cho vay: Lãi suất 10,45%/năm điều chỉnh định kì 3 tháng /1 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được tính trên cơ sở 1 năm có 365 ngày.

Mục đích vay: Thanh toán tiền sửa nhà và thanh toán tiền mua sắm thiết bị.

- Phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng.
- Thời hạn vay: 60 tháng.

Theo hợp đồng Ngân hàng TMCP A chi nhánh Thanh Hóa – PGD V L1 đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn S vay số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là bất động sản tại: thôn Thành Đồng, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 703452 do UBND huyện Thiệu Hóa cấp ngày 01/3/2019 cho ông Ngô Văn S, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00074/724/QĐ-UBND, theo hợp đồng thế chấp tài sản số HDDTC96B ngày 06/10/2021.

Dư nợ gốc còn lại đến ngày 26/12/2022 là 172.237.535đ (Một trăm bảy hai triệu hai trăm ba bảy nghìn năm trăm ba lăm đồng). Kể từ tháng 06/2022 ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L không trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký ngày 06/10/2021 và khế ước nhận nợ ngày 06/10/2021. Ngân hàng A đã thực hiện nhiều biện pháp để đôn đốc ông S, bà L trả nợ như gửi công văn đôn đốc trả nợ, đến làm việc trực tiếp với khách hàng và gia đình khách hàng, tạo điều kiện để ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng vẫn không có kết quả. Tính đến ngày 13/7/2023 ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L cũng mới trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 111.444.670đ (Một trăm mười một triệu bốn trăm bốn bốn nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) trong đó số tiền gốc là 71.697.324đ (Bảy một triệu sáu trăm chín bảy nghìn ba trăm hai tư đồng), lãi trong hạn và lãi quá hạn là 39.747.346đ (Ba chín triệu bảy trăm bốn bảy nghìn ba trăm bốn sáu đồng). Tính đến ngày 13/7/2023 ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 151.818.006đ (Một trăm năm một triệu tám trăm mười tám nghìn không trăm linh sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 148.302.676đ (Một trăm bốn tám triệu ba trăm linh hai nghìn sáu trăm bảy sáu đồng), nợ lãi trong hạn là 3.200.774đ (Ba triệu hai trăm nghìn bảy trăm

bảy tư đồng), nợ lãi quá hạn là: 314.556đ (Ba trăm mười bốn nghìn năm trăm năm sáu đồng).

Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa giải quyết buộc ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ lại là 151.818.006đ (Một trăm năm một triệu tám trăm mười tám nghìn không trăm linh sáu đồng), đồng thời Ngân hàng đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả được theo hợp đồng và khế ước nhận nợ hai bên đã ký kết và theo pháp luật.

Ông Ngô Văn S, bà Nguyễn Thị L đã được thông báo triệu tập họp lệ đề đến Tòa án viết bản tự khai trình bày quan điểm và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S và bà L không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn L, vắng mặt bị đơn ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L. Ông Lê Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt ông L1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử (ngày 26/12/2023) là 128.250.000đ (Một trăm hai tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là: 3.211.933đ (Ba triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm ba ba đồng), tiền lãi quá hạn là 334.760đ (Ba trăm ba tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Tổng cả gốc và lãi là 131.796.693đ (Một trăm ba một triệu bảy trăm chín sáu nghìn sáu trăm chín ba đồng) theo hợp đồng tín dụng số HDTD96B2021126 ông S, bà L đã ký với Ngân hàng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền dư nợ tại thẻ tín dụng là 4.180.634đ (Bốn triệu một trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba tư đồng). Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 6; Điều 9; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP A. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền tại thẻ tín dụng.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cư trú tại huyện Thiệu Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Lê Văn L, ông L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S, bà L đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L1, ông S và bà L.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng số HDTD96B2021126 thì thấy ngày 06/10/2021 ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng vay Ngân hàng TMCP A số tiền vay 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng); Lãi suất cho vay 10,45%/năm thời hạn vay 60 tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được tính trên cơ sở 1 năm có 365 ngày. Mục đích vay: thanh toán tiền sửa nhà và mua sắm thiết bị, phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng; Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã giải ngân, thể hiện bằng khế ước nhận nợ ông S và bà L đã ký ngày 07/10/2021, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác hợp lệ cho ông S và bà L, tuy nhiên ông S và bà L vẫn không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản xác minh ngày 07/6/2023 Tòa án cùng với chính quyền địa phương đã làm việc với ông Ngô Văn Dũng và bà Đinh Thị Lành là bố mẹ đẻ của ông Ngô Văn S, ông Dũng và bà Lành đều cho biết hiện ông S, bà L không có mặt ở nhà, tuy nhiên việc Ngân hàng thông báo nợ quá hạn và thông báo gửi đơn kiện đến Tòa án cũng như thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa ông S đều biết, nhưng ông S không có ý kiến gì mà bỏ mặc cho ông Dũng và bà Lành. Hội đồng xét xử nhận thấy ông S và bà L đã ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng TMCP A là thực tế, như vậy có đủ cơ sở khẳng định việc

ông S, bà L có vay tiền và đã nhận được tiền từ Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng tín dụng số HDTD96B2021126 ngày 06/10/2021 mà các bên đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S, bà L vi phạm cam kết trả nợ, nên Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ.

[2.2]. Về số tiền phải thanh toán và nghĩa vụ trả nợ: Theo đơn khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt, Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải trả tiền gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn như lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết ngày 06/10/2021 cho đến khi tất toán xong khoản vay. Tính đến ngày 26/12/2023, ông S, bà L còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền gốc là 128.250.000đ (Một trăm hai tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là: 3.211.933đ (Ba triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm ba ba đồng), tiền lãi quá hạn là 334.760đ (Ba trăm ba tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Tổng cả gốc và lãi là 131.796.693đ (Một trăm ba một triệu bảy trăm chín sáu nghìn sáu trăm chín ba đồng). Trong đơn xin xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A cũng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền dư nợ theo thẻ tín dụng là 4.180.634đ (Bốn triệu một trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba tư đồng). Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện trước thời điểm mở phiên tòa, HĐXX xét thấy nên chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền dư nợ theo thẻ tín dụng là phù hợp.

Như vậy quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông S, bà L đã trả cho Ngân hàng TMCP A được 71.750.000đ (Bảy một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền gốc ông S, bà L còn phải thanh toán tính đến ngày 26/12/2023 là 128.250.000đ (Một trăm hai tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi trong hạn là: 3.211.933đ (Ba triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm ba ba đồng), tiền lãi quá hạn là 334.760đ (Ba trăm ba tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Tổng cả gốc và lãi là 131.796.693đ (Một trăm ba một triệu bảy trăm chín sáu nghìn sáu trăm chín ba đồng).

Các khoản nợ phù hợp với hợp đồng ký kết theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với lãi suất cho phép của các tổ chức tín dụng, phù hợp theo hướng dẫn nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận toàn bộ. Ngoài ra còn trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 26/12/2023 cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng hạn mức tín dụng.

Ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L là người ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân Thiệu Trung. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S, bà L vi phạm cam kết trả nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3]. Xét Hợp đồng thế chấp số HDDTC96B ngày 06/10/2021 tài sản ông S, bà L thế chấp tại Ngân hàng TMCP A là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 617 tờ bản đồ số 5 thuộc Thôn Thành Đồng, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích 775m² được minh chứng bởi Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 703452 do UBND huyện Thiệu Hóa cấp ngày 01/3/2019 cho ông Ngô Văn S, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00074/724/QĐ-UBND. Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 Nhà bằng có tum đồ trần lợp tôn chống nóng diện tích là 58,9m², sân lợp tôn diện tích 32,9m², sân lát gạch hoa diện tích 40,3m²; 01 nhà ngang 02 gian lợp ngói tường xây gạch 220 diện tích 29,8m²; 01 bếp lợp ngói, tường xây gạch 220 diện tích 8,1m²; 01 kho chứa đồ không có cửa, tường xây gạch vồ diện tích 18,9m²; 01 nhà tắm đồ trần diện tích 4,9m²; 01 nhà vệ sinh đồ trần diện tích 2,2m²; 01 khu chuồng trại chăn nuôi đã cũ và 01 bể nước. Hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị xử lý bán tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ nếu trường hợp hộ gia đình ông S, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án tuyên xử lý bán thế chấp bảo đảm tiền vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Do Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (Hai triệu đồng), nên ông S, bà L có nghĩa vụ thanh toán lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Thiệu Trung chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[4]. Về án phí: Ông S, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 6; Điều 9; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A:

- Về thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Buộc ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD96B2021126 ngày 06/10/2021 số tiền gốc là 128.250.000đ (Một trăm hai tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Tiền lãi trong hạn là: 3.211.933đ (Ba triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm ba ba

đồng), tiền lãi quá hạn là 334.760đ (Ba trăm ba tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Tổng cả gốc và lãi là 131.796.693đ (Một trăm ba một triệu bảy trăm chín sáu nghìn sáu trăm chín ba đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền dư nợ theo thẻ tín dụng là 4.180.634đ (Bốn triệu một trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba tư đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn S còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Văn S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 617 tờ bản đồ số 5 thuộc Thôn Thành Đồng, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo hợp đồng thế chấp số HDDTC96B ngày 06/10/2021, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Nếu sau khi phát mãi tài sản, số tiền không đủ thanh toán thì ông S, bà L phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP A cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền còn nợ thì số tiền còn lại sau khi thanh toán được trả lại cho ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L.

[2]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nên ông S, bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[3]. Về án phí: Buộc ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị L phải chịu 6.590.000đ (Sáu triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) (con số đã được làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.961.000đ (Ba triệu chín trăm sáu một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006181 ngày 31/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng TMCP A, ông Ngô Văn S, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

